

Miền Bắc Việt Nam sau hiệp định Genève (20-7-1954)

Tác Giả: Trán Gia Pháng

Thứ Bảy, 03 Tháng 12 Năm 2011 06:07

Hiệp định đình chiến miền Bắc Việt Nam (Hiệp định đình chiến Genève) ngày 20-7-1954 chia hai miền Việt Nam tại sông Bến Hải,

thuộc tỉnh Quảng Trị. Sông Bến Hải nằm vĩ tuyến 17. Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (VNDCCH) ở phía bắc và Quốc gia Việt Nam ở phía nam.



Hiệp định đình chiến Genève

1.- VIÊN C ĐỘI N

Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa rộng khoảng 60.900 dặm vuông (khoảng 158.340 km²), (1) do Đảng Lao Động (LĐ) cai trị, Hồ Chí Minh làm chủ tịch nước, Phạm Văn Đồng làm thủ tướng. Đảng LĐ chủ trương độc lập, tài toàn, mặt mình nằm chủ tịch chính quyền. Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa là nước công xã tiên tiến và duy nhất ở Đông Nam Á.

Ngoài thủ đô là Hà Nội, VNDCCH còn có các hội công quan trọng là Hội Phòng, Vinh. Dân số năm 1955 miền Bắc là 13.574.000 người. (2) Các tỉnh phía bắc vĩ tuyến 17 vào thời điểm miền Bắc VNDCCH tiếp thu, có thể kể:

Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Cạn, Bắc Giang, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái, Phú Thọ, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Bắc Ninh, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình, Sơn Tây, Hà Đông, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Hưng Yên, Hải Dương, Thái Bình, Kiến An, Quảng Yên, Hải Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, bắc Quảng Trị.

Quân đội Việt Minh (VM) tiếp thu Hà Nội ngày 10-10-1954. Chủ tịch Ủy ban Quân quản Hà Nội của VM là Võ Nguyên Giáp, người đã chỉ huy cuộc tấn công Hà Nội ngày 19-12-1946 và trở thành thành viên đầu tiên của VM là số đoàn 308. Hồ Chí Minh từ vùng chiến khu Việt Bắc về Hà Nội ngày 15-10-1954, bắt đầu thi hành tiếp tục công cuộc xây dựng miền Bắc.

Miền Bắc Việt Nam sau hiệp định Genève (20-7-1954)

Tác Giả: Trán Gia Pháng

Thứ Bảy, 03 Tháng 12 Năm 2011 06:07

Hội Phòng, điếm tập trung đäng bào miền Bắc muộn đi cä vào miền Nam bằng tàu thủy, do VM tập thu ngày 13-5-1955. Nhóm toán lính Pháp cuối cùng rời đäo Cát Bà (vän Hä Long, vùng Hội Phòng) ngày 22-5-1955, thì VM mới thực làm chủ hoàn toàn miền Bắc.

Thäi điếm näy cũng chủm dứt luôn thäi hạn 300 ngày ở miền Bắc mà bên “Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève 1954” cho phép dân chúng đäc cä do di chuyển nä khu vực thuäc phía bên näy sang khu vực thuäc phía bên kia.

Sängäi tập miền Nam tập kết ra Bắc không đäc thäng kê đäy đä. Theo sä trình bày của Võ Nguyên Giáp tại Hội nghị Liäu Châu (Quäng Tây, Trung Hoa) tập ngày 3-7-1954 giữa Hä Chí Minh và Chu Ân Lai, thä tập ng Trung Quốc, träc khi chiän tranh kết thúc, VM đä tính bäc đäu rút ra Bắc khoäng 60.000 ngäi, trong đó 50.000 ngäi là bä đäi và 10.000 ngäi làm công tác chính trị, nhät là nhäng ngäi “đä” quá, bä lä điän, không thä đäi.(3) Đây chủ là sä läng Võ Nguyên Giáp đä tính, trong khi có tài liäu cäng sän cho räng sängäi tập kết ra Bắc khoäng 175.000 cán bä và 15.000 häc sinh. (Đäng Phong (chä biên), säd. tr. 45.)

Sängäi tập miền Bắc đi cä vào miền Nam lên đän khoäng gần 900.000 ngäi.(4) Nhóm thành phần chủ ng cäng, đäi läp, bät đäng chính kiän, nhäng nhân vät trong các đäng phái theo chủ nghĩa dân tộc, đäu rút vä miền Nam. Điäu näy có läi cho việc cai trị của đäng Lao Đông (LĐ) tập đäng Cộng sản Bắc Việt vì không còn, hay còn ít ngäi đäi kháng väi chủ đä cäng sản läi đät Bắc.

Tập tháng 9-1954, nghĩa là sau hiệp định Genève và träc khi vä Hà Nội, Phạm Văn Đäng đäc cä giä chủ cä thäng chính phủ VNDCCH thay Hä Chí Minh. Tuy nhiên, mãi đän tháng 9-1955, đäng LĐ mới triäu tập trä läi nhäng thành viên còn sót läi tập quäc häi Khóa I (ngày 6-1-1946). Trong phiên họp tại Hà Nội ngày 20-9-1955, quäc häi näy thông qua thành phần chính phủ Phạm Văn Đäng nhä sau:

Chủ tịch VNDCCH – Hä Chí Minh

Thä tập ng kiêm bä träng Ngoäi giao – Phạm Văn Đäng

Mi n B c Vi t Nam sau hi p đ nh Genève (20-7-1954)

Tác Giả: Tr n Gia Ph ng

Thứ Bảy, 03 Tháng 12 Năm 2011 06:07

Phó th t ng kiêm b tr ng N i v – Phan K To i

Phó th t ng kiêm b tr ng Qu c phòng – Võ Nguyên Giáp

Phó th t ng kiêm Ch nhi m B Khoa h c nhà n c – Tr ng Chinh (t tháng 4-1958)

Phó th t ng – Ph m Hùng (t tháng 4-1958)

B tr ng b Công an – Tr n Qu c Hoàn

B tr ng b Giáo d c – Nguy n Văn Huyền

B tr ng b Tài chính – Lê Văn Hi n (đ n tháng 5-1958) – Hoàng Anh (t tháng 6-1958)

B tr ng Giao thông và B u đi n – Nguy n Văn Trân

B tr ng Th y l i và Ki n trúc – Tr n Đăng Khoa (đ n tháng 4-1958)

B tr ng Th y l i – Tr n Đăng Khoa (t tháng 4-1958)

B tr ng Ki n trúc – Bùi Quang T o (t tháng 4-1958)

Miền Bắc Việt Nam sau hiệp định Genève (20-7-1954)

Tài liệu: Trích Gia Phụng

Thư số: Bảy, 03 Tháng 12 Năm 2011 06:07

Bộ trưởng Công nghiệp – Lê Thanh Nghị

Bộ trưởng Thương nghiệp – Phan Anh (đón tháng 4-1958)

Bộ trưởng Ngoại giao – Phan Anh (từ tháng 4-1958)

Bộ trưởng Nội vụ – Đào Mạnh (từ tháng 4-1958)

Bộ trưởng Y tế – Hoàng Tích Tri (đón tháng 12-1958 – Phạm Ngọc Thạch (từ tháng 12-1958)

Bộ trưởng Lao động – Nguyễn Văn Tố

Bộ trưởng Tư pháp – Vũ Đình Hòe

Bộ trưởng Văn hóa – Hoàng Minh Giám

Bộ trưởng Thương binh – Vũ Đình Tố (giới thiệu tháng 5-1959)

Bộ trưởng Cựu tử – Nguyễn Xiển (giới thiệu tháng 5-1959)

Bộ trưởng Nông lâm – Nghiêm Xuân Yêm

Bộ trưởng Phụ nữ – Phạm Hùng (đón tháng 4-1958) – Nguyễn Duy Trinh (4/1958 – 12/1958) – Nguyễn Khan (từ tháng 5-1959)

Miền Bắc Việt Nam sau hiệp định Genève (20-7-1954)

Tài liệu: Trích Gia Phụng

Thư số: Bảy, 03 Tháng 12 Năm 2011 06:07

Chủ nhiệm Ủy Ban Khoa học Nhà nước – Nguyễn Văn Trân (4-1958 đến 12-1958) – Nguyễn Duy Trinh (từ tháng 12-1958)

Bộ trưởng, Phó chủ nhiệm UBKHNN – Nguyễn Văn Trân (từ tháng 12-1958) – Lê Văn Hiến (từ 12-1958) (5)

Chính phủ hoạt động theo những quy tắc của Bộ chính trị và Ủy ban Trung ương đảng LĐ. Ngoài ra, chính phủ còn đứng đầu sự hình thành Mặt trận Tổ quốc (MTTQ), một bộ phận ngoại vi của đảng LĐ. Nguyên nhân ở đây, ngày 27-5-1946, Việt Minh thành lập Mặt trận Liên Việt (Liên hiệp Quốc dân Việt Nam), do Huân Thúc Kháng làm chủ tịch, Tôn Đức Thắng, phó chủ tịch. Năm 1947, Huân Thúc Kháng từ chức, Tôn Đức Thắng lên thay. (Đoàn Thêm, sđd. tr. 24.) Trong đời sống từ 5 đến 10-9-1955, Mặt trận Liên Việt tuyên bố hoàn thành nhiệm vụ và tổ chức giải tán, chuyển qua thành MTTQ cũng do Tôn Đức Thắng làm chủ tịch.

Theo kế hoạch của CSVN, giai đoạn từ 1955 đến 1960 được gọi là giai đoạn xây dựng miền Bắc, chia thành hai thời kỳ: thời kỳ khôi phục kinh tế (1955-1957) và cải tạo xã hội chủ nghĩa theo đường lối công nông, thủ công nghiệp (1958-1960). Để thực hiện các kế hoạch này, nhà nước công nông mới lập ra cuộc Cải cách ruộng đất (CCRD) với nhiệm vụ tiêu diệt mạt lùc, và chuyển đổi phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm, đóng khung chính trị và văn hóa theo khuôn khổ chủ nghĩa công nông.

2. VIỆT CỘNG VÀ NGOẠI

Bắc Việt Nam liên lạc ngoại giao chính với các nước trong khối công nông và thêm một số nước trung lập. Lúc đó, hai cường quốc công nông là Liên Xô và Cộng hòa Nhân Dân Trung Hoa đang tranh chấp nhau. Cuộc tranh chấp Nga Hoa vừa gây khó khăn, đảng thời cũng có lợi cho Bắc Việt Nam. Khó khăn vì Bắc Việt Nam phải giành thắng lợi trong việc ngoại giao với hai cường quốc công nông. Có lợi vì Bắc Việt Nam lợi dụng cuộc tranh cãi giữa hai bên, đứng ngoài, thủ công nghiệp và xin hai nước viện trợ tài trợ. Cả hai bên đều tranh đua gia tăng viện trợ nhằm lôi kéo Bắc Việt Nam về phe mình.

Theo chủ trương chung sống hòa bình, vào đầu năm 1957, Liên Xô đồng ý hai miền Bắc và

Miền Bắc Việt Nam sau hiệp định Genève (20-7-1954)

Tác Giả: Trán Gia Pháng

Thứ Bảy, 03 Tháng 12 Năm 2011 06:07

Nam Việt Nam cùng vào Liên Hiệp Quốc (LHQ) như hai nước riêng biệt. Chính phủ Bắc Việt quyät liệt phän đäi.(6) Sau khi phä thäng Liên Xô, Anatas Mikoyan, đän Trung Quốc vào tháng 4-1956 giäi thích chính sách mäi cäa Liên Xô, thäi vào giäa tháng 5-1957, Kliment Voroshilov, chänh đänh Chänh Täi cao Liên Xô, đän thăm Hà Nội.

Có thể träng đó Liên Xô đã thăm dò ý kiến Bắc Việt và sự räng Bắc Việt sẽ xích gần với Trung Quốc nếu Liên Xô không äng hä Bắc Việt, nên sau khi gặp các lãnh tä Bắc Việt täi Hà Nội, Voroshilov tuyên bä räng Liên Xô bäo đäm sẽ không chäp nhän cho Việt Nam Cäng Hòa gia nhäp LHQ và sẽ gia tăng viện trợ cho Bắc Việt. (Vào tháng 9-1957, Liên Xô phä quyät khi vän đän y đäng đäa ra träng Häi đäng Bäo an Liên Hiệp Quốc.)(7)

Việt quyät tâm xâm lăng miền Nam đäa đän mät nhu cäu än lao cho đäng LäVN: đó là viện trợ tä các nước ngoài. Vä quân sự, Bắc Việt rät cän thiät bä, quân xa, quân đäng, súng äng täi tân đä chäng läi vũ khí Hoa Kỳ ä miền Nam. Trong khi đó, nän kinh tä và käng hä Bắc Việt suy kiät mät cách träm träng, không đä nuôi dân cũng như không thä cung äng nhu cäu chiän träng. Tä tháng 9-1954, khi đäng Lä mäi cäm quyän ä Bắc Việt, Bắc Việt xäy ra nän đäi.(8) Nän đäi kéo dài trong giai đän CCRĐ.

Bắc Việt chä còn cách duy nhät là cäu viện trợ hai cäng quốc cäng sự là Liên Xô và Trung Quốc mäi có thể tän công miền Nam. Träng tình träng khäi CSQT bät đäu rän nät, Bắc Việt không muän làm mät lòng mät trong hai nước nói trên, đäng thäi muän läi đäng tình träng näy đä kêu gäi cä hai cäng quốc cäng sự viện trợ täi đäa cho Bắc Việt Nam.

Ngoài nhu cäu viện trợ quân sự và kinh tä, giäa hai chính sách đäi ngoäi cäa hai nước Liên Xô và Trung Quốc, chính sách lúc đó väa bäo thä väa hiäu chiän và cäng rän cäa Trung Quốc, sän sàng yäm trợ và viện trợ các phong trào cäng sự nät các quốc gia trên thế giäi, đä khuyän đäo chính trä, nhät là läp träng cäng quyät chäng Mä bät cänäi nào trên thế giäi, thích häp với läp träng hiäu chiän cäa Bắc Việt, đäng kiäm cách xâm lăng miền Nam đäi chiäu bài “chäng Mä cäu nät”. Vì vậy, tuy bä ngoài Bắc Việt giä thäng bäng giäa hai nước, nhäng bên trong, nhäng nhà lãnh đäo đäng Lä theo chä träng cäa Trung Quốc hän là Liên Xô. Cũng vì vậy, năm 1958, Phäm Văn Đäng, thä täng Bắc Việt Nam đã ký công hàm ngày 14-9-1958, äng hä tuyên bä ngày 4-9-1958 cäa Chu Ân Lai, thä täng CHNDTQ.

Nguyên tä 24-2 đän 29-4-1958, các thành viên Liên Hiệp Quốc (LHQ) häp täi Genève bàn vä luät biän. Häi nghä ký kät bän quy äc vä luät biän. Riêng quy äc vä häi phän mäi nät, có 3 đäng hä: 3 häi lý, 12 häi lý và 200 häi lý. Không đäng hä nào häi đä tức số 2/3, nên LHQ chäa

Miền Bắc Việt Nam sau hiệp định Genève (20-7-1954)

Tác Giả: Trán Gia Pháng

Thứ Bảy, 03 Tháng 12 Năm 2011 06:07

có quyät định thống nhất. Lúc đó, Trung Quốc và hai miền Nam và Bắc Việt Nam không phải là thành viên LHQ nên không tham dự hội nghị này.

Trước sự tranh cãi về hội phận, ngày 28-6-1958, Mao Trạch Đông tuyên bố với nhóm đồng nghiệp lãnh thân cận: “Ngày nay, Thái Bình Dương không yên ổn. Thái Bình Dương chỉ yên ổn khi nào chúng ta làm chủ nó.”(9) Sau khi Khrushchev viếng thăm Bắc Kinh từ 31-7 đến 3-8-1958, Trung Quốc pháo kích và đe dọa hai quần đảo Kim Môn và Mã Tổ (Kinmen and Matsu) ngày 23-8-1958. Phải chăng hành động này nhằm đòi hỏi chủ quyền trên hai quần đảo này, hay để xác định chủ quyền của hội phận của Trung Quốc?

Hai quần đảo này nằm gần đảo của Trung Quốc nhưng thuộc quyền quản lý hành chính của Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan). Hoa Kỳ liên hệ Hội và Không quân đến báo với hai quần đảo này theo Hiệp định Phòng thủ Hội đồng giữa Hoa Kỳ và THĐQ, ký kết tại Đài Bắc (Taipei) ngày 2-12-1954. Đảo đến của chúng không thuộc lãnh thổ của Trung Quốc.

Tiếp đó, ngày 4-9-1958, Trung Quốc đưa ra tuyên bố về hội phận gồm 4 điểm, trong đó điểm 1 và điểm 4 được dịch như sau:

(1) Biên giới lãnh hội của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc là 12 hội lý. Điểm 1 này áp dụng cho toàn lãnh thổ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc, bao gồm phần đất Trung Quốc trên đất liền và các hội đảo ngoài khơi, Đài Loan (tách biệt khỏi đất liền và các hội đảo khác bên biển) và các đảo phụ cận, quần đảo Penghu, quần đảo Đông Sa, quần đảo Tây Sa [Xisha tức Hoàng Sa], quần đảo Trung Sa, quần đảo Nam Sa [Nansha tức Trường Sa], và các đảo khác thuộc Trung Quốc.

(4) Điểm (2) và (3) bên trên cũng áp dụng cho Đài Loan và các đảo phụ cận, quần đảo Penghu [Bành Hồ], quần đảo Đông Sa, quần đảo Tây Sa, quần đảo Trung Sa, quần đảo Nam Sa, và các đảo khác thuộc Trung Quốc... (Bản dịch của Trung Tâm Dữ Kiện. <http://law.hku.hk/clsourcebook/10033.htm>)

Mục đích của bản tuyên bố ngày 4-9-1958 nhằm xác định hội phận của Trung Quốc là 12 hội lý. Tuy nhiên điểm 1 và điểm 4 của bản tuyên bố có ý lập luận và khẳng định chủ quyền riêng hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (vốn của Việt Nam) thuộc chủ quyền của Trung Quốc và Trung Quốc gọi theo tên Trung Quốc là Xisha [Tây Sa tức Hoàng Sa] và Nansha [Nam Sa tức

Miễn Bức Việt Nam sau hiệp định Genève (20-7-1954)

Tác Giả: Trán Gia Pháng

Thứ Bảy, 03 Tháng 12 Năm 2011 06:07

Tráng Sa].

Nhá thá, rá ràng bán tuyên cáo ngày 4-9-1958 cáa CHNDTQ đáa ra hai chá đái m: 1) Xác đánh hái phán cáa Trung Quác là 12 hái lý. 2) Xác đánh chá quyán cáa Trung Quác trên mát sá quán đáo trong đáó có hai quán đáo Hoàng Sa và Tráng Sa ván cáa Viát Nam tá lâu đái.

Vì muán láy lòng Trung Quác đá đác vián trá, Phám Văn Đáng, thá táng Bác Viát, ký công hàm ngày 14-9-1958, tán thành quyát đánh vá hái phán cáa Trung Quác, nguyên văn nhá sau:

“Chính phá nác Viát Nam Dân Chá Cáng Hòa ghi nhán và tán thành bán tuyên bá ngày 4 tháng 9 năm 1958 cáa Chính phá nác Cáng Hòa Nhân Dân Trung Quác, quyát đánh vá hái phán cáa Trung Quác.

Chính phá nác Viát Nam Dân Chá Cáng Hòa tôn tráng quyát đánh áy và sá chá thá cho các cá quan Nhà nác có trách nhiám trát đá tôn tráng hái phán 12 hái lý cáa Trung Quác trong mái quan há vái nác Cáng Hòa Nhân Dân Trung Quác trên mát bá.” (Nguán: Internet)

Cán chú ý là nhà cám quyán VNDCCH chá là cánh tay nái dài cáa đáng Lao Đáng (LĐ), nên công hàm cáa Phám Văn Đáng phái đác Há Chí Minh và lãnh đáo đáng LĐ chuán thuán.

Chuyán hái phán 12 hái lý là chuyán cáa Trung Quác. Há Chí Minh và đáng LĐ áng há hay không, dân chúng Viát Nam không cán quan tâm. Tuy nhiên, đái vái dân chúng Viát Nam, chuyán Phám Văn Đáng cùng Há Chí Minh và đáng LĐ tán thành “quán đáo Tây Sa, quán đáo Trung Sa, quán đáo Nam Sa, và các đáo khác thuác Trung Quác” là mát hành vi phán quác đáng lên án còn hán cá Trán Ích Tác vào thá ká 13 hay bà thái háu nhà Lê qua cáu vián quân Thanh vào thá ká 18, vì đã ngang nhiên giao hái đáo do tá tiên đá lái cho ngoái bang.

KáT LUáN

Sau hiáp đánh Genève (20-7-1954), Há Chí Minh, Viát Minh và đáng LĐ nám quyán cai trá á

Miền Bắc Việt Nam sau hiệp định Genève (20-7-1954)

Trần Gia Phong

Thứ Bảy, 03 Tháng 12 Năm 2011 06:07

Miền Bắc khá thuôn lồi vì sườn có bộ máy cầm quyền đặt tài toàn trệch t ch, trong khi nhng ng i theo ch nghĩa dân t c đ u đã b đ t B c, di c vào Nam, không có m t t ch c nào gài ng i i i miền B c.

Chính ph VNDCCH là cánh tay n i dài và là công c thi hành nhng quy t đ nh c a đ ng LĐ, b t tay ngay vào vi c áp đ t h th ng kinh t ch huy c a ch đ c ng s n, nh m n đ nh tuy t đ i i miền B c, đ chu n b ti p t c chi n tranh đánh chi m miền Nam.

Vì quy t tâm xâm lăng miền Nam, c n s vi n tr c a ngo i bang, ngày 14-9-1958 đ ng LĐ lên ti ng th a nh n tuyên b ngày 4-9-1958 c a Trung Qu c v v n đ h i ph n. Trong tuyên b ngày 4-9-1958, Trung Qu c kh ng đ nh r ng Hoàng Sa và Tr ng Sa thu c lãnh th Trung Qu c và Trung Qu c đ t tên là Tây Sa và Nam Sa. Vi c th a nh n n y c a đ ng LĐ là m t hành vi ph n qu c tr ng tr n, vì l ch s cho th y hai qu n đ o n y thu c quy n s h u c a Vi t Nam t nhi u th k tr c. (Trích t Vi t s đ i c ng t p VI, s xu t b n).

© Trần Gia Phong
(Toronto, 01-12-2011)

CHÚ THÍCH

1. William Bridgwater và Seymour Kurtz, *The Illustrated Columbia Encyclopedia*, Vol. 21, New York: Columbia University Press, m c "Viet Nam", tr. 6481. [S trang liên t c t t p đ u đ n t p cu i.]
2. Đ ng Phong ch biên, *L ch s kinh t Vi t Nam 1945-2000*, t p II: 1955-1975, Hà N i: Nxb. Khoa H c Xã H i, 2005, tr. 174.
3. Ti n Giang, *Chu Ân Lai đ Nh t-N i-Ngõa h i ngh [Chu Ân Lai và h i ngh Genève]*, B c Kinh: Trung C ng đ ng s xu t b n xã, 2005, b n đ ch c a Đ ng Danh Dy, Vai trò c a Chu Ân Lai t i Genève năm 1954, ch. 27 "H i ngh Li u Châu then ch t". [Ngu n: Internet.]
4. Theo Đoàn Thêm, *Hai m i năm qua: Vi c t ng ngày (1945-1964)*, Sài Gòn 1966, Xuân Thu California, tái b n không đ năm, tr. 195, đ n ngày 30-10-1955 là ngày chính th c ch m đ t cu c di c, s l ng ng i di c t n n là 887,890 ng i. Th c t ngoài còn cao h n nhi u. Theo Đ ng Phong, sđd. tr. 52, t ng s di c vào Nam là 860,000 ng i.
5. Tô T H và m t nhóm tác gi, *60 năm chính ph Vi t Nam 1945-2005*, Hà N i: Nxb. Thông T n, 2005, tr. 99.
6. Nguyễn Minh C n, *Công lý đòi h i*, California: Nxb. Văn Ngh, 1997, tt. 87-88.
7. William J. Duiker, *Ho Chi Minh*, Nxb. Hyperion, New York, 2000, tr 500.
8. Lê M u Hãn, *Tr n Bá Đ*, Nguyễn Văn Th, *Đ i c ng l ch s Vi t Nam*, t p III, Hà N i: Nxb Giáo D c, 2001, tr. 141.

9. Jung Chang and Jon Halliday, *The Unknown Story MAO*, New York: Alfred A. Knopf, Publisher, 2005, tr. 426.